

GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI - MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM

LÊ THỊ THANH HÀ*

Điểm xuất phát trong nghiên cứu về xã hội của C. Mác là con người hiện thực. Mục tiêu cuối cùng của C. Mác là giải phóng con người bằng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản đã khẳng định mục tiêu nhất quán là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa qua, đặc biệt từ khi đổi mới (1986) đến nay, giải phóng con người luôn là mục tiêu trong mọi chủ trương, chính sách của Việt Nam. Bài viết này khái quát cơ sở lý luận và một số minh chứng về giải phóng con người là mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: chủ nghĩa xã hội, con người, giải phóng con người

Nhận bài ngày: 10/6/2023; đưa vào biên tập: 12/6/2023; phản biện: 19/6/2023; duyệt đăng: 28/6/2023

1. DẪN NHẬP

Trong lịch sử loài người đã có không ít học thuyết, tư tưởng, mô hình xã hội đề ra mục tiêu giải phóng con người, nhưng tất cả các học thuyết, tư tưởng, mô hình xã hội này đều không đưa ra được biện pháp, con đường, cách thức thực sự khoa học, cách mạng nhằm giải phóng triệt để con người. Chỉ đến chủ nghĩa Mác - Lênin, với mô hình chủ nghĩa xã hội khoa học mới chỉ ra được mục tiêu, con đường, biện pháp, cách thức khoa học đúng đắn, cách mạng và lời cuốn được những người lao động tham gia vào sự nghiệp giải phóng chính mình, giải phóng nhân loại.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VIỆT NAM

C. Mác và Ph. Ăngghen (1995, tập 3: 37-38) trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* xuất phát từ “những con người bằng xương bằng thịt ... xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và ... xuất phát từ quá trình đời sống hiện thực của họ...”, các ông đã khẳng định một chân lý vô cùng hiển nhiên là: “người ta phải có khả năng sống rồi mới có thể “làm ra lịch sử”. Nhưng muốn sống được phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3: 40). Đây là nhu cầu tối thiểu của con người để có thể sống, tồn tại.

Để thỏa mãn nhu cầu tối thiểu: sống và tồn tại,... thì con người cần phải lao động, sản xuất và đây là *hành vi*

* Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

lịch sử đầu tiên. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995, tập 3: 40) viết: "... hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất. Hơn nữa, đó là một hành vi lịch sử, một điều kiện cơ bản của mọi lịch sử (mà hiện nay cũng như hàng nghìn năm về trước) người ta phải thực hiện hàng ngày, hàng giờ, chỉ nhằm để duy trì đời sống con người". *Điều này có nghĩa, con người sống, tồn tại bằng cách lao động và sản xuất vật chất*.

Trong quá trình lao động sản xuất, con người không chỉ tác động vào tự nhiên mà còn tạo lập quan hệ với nhau: "ngay từ đầu đã có mối quan hệ vật chất giữa người và người, mối quan hệ này bị quy định bởi những nhu cầu và phương thức sản xuất và cũng lâu đời như bản thân loài người" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3: 43). Các ông gọi đây là quan hệ "song trùng". Tức là, *một mặt*, con người phải quan hệ với tự nhiên; và *mặt khác*, con người phải quan hệ với nhau trong quá trình sản xuất.

Khác với các mối quan hệ với tự nhiên, đặc điểm chủ yếu của các quan hệ xã hội là phụ thuộc vào hoạt động sản xuất của con người, qua đó hình thành bản chất con người: "bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người *xã hội*; vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là *một cái khâu liên hệ con người với con người*,... Chỉ có trong xã hội, tồn

tại *tự nhiên* của con người mới là tồn tại có *tính người* của con người đối với con người và tự nhiên mới trở thành con người đối với con người" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1998, tập 42: 170). Khẳng định điều này, C. Mác chỉ cho chúng ta thấy, con người mang bản chất xã hội.

Mọi quan hệ xã hội đều tác động để hình thành bản chất của con người, nhưng theo C. Mác và Ph. Ăngghen, quan hệ sản xuất có ý nghĩa quyết định và chi phối các quan hệ xã hội khác. Các ông viết: "hoạt động sống của họ như thế nào thì họ là như thế ấy. Do đó họ là như thế nào, điều đó ăn khớp với sản xuất của họ, với *cái* mà họ sản xuất ra cũng như với *cách* họ sản xuất. Do đó, những cá nhân là như thế nào, điều đó phụ thuộc vào điều kiện vật chất của sự sản xuất của họ" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3: 30). Nói lên điều đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định bản chất con người bị quy định bởi xã hội, bởi hoàn cảnh. Vì vậy, cần xây dựng xã hội tốt đẹp, mang tính nhân văn: "chỉ có trong cộng đồng cá nhân mới có được những phương tiện để có thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình và do đó, chỉ có trong cộng đồng, mới có thể có tự do cá nhân" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3: 108). Chỉ trong xã hội không còn bóc lột, bất công, không còn người áp bức bóc lột người mới có thể giải phóng con người triệt để và đó là tiến lên chủ nghĩa cộng sản, giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội: "trong xã hội cộng sản,

trong đó không ai bị hạn chế trong một phạm vi hoạt động độc chuyên, mà mỗi người đều có thể tự hoàn thiện mình trong bất kỳ lĩnh vực nào thích, (...), thành thử tôi có khả năng hôm nay làm việc này, ngày mai làm việc khác, buổi sáng đi săn, quá trưa đi đánh cá, buổi chiều chăn nuôi, sau bữa cơm thì làm việc phê phán, tùy theo sở thích của tôi” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3: 47). Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, ngoài việc con người được tự do, còn có nghĩa là lao động trở thành hoạt động tự giác của con người và vì vậy, con người được giải phóng những năng lực, những sức mạnh tiềm ẩn của mình.

Phân tích xu thế tất yếu của thời đại, phát triển lý luận của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin (1980, tập 26: 160) đã khẳng định: “tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ”. Thực tiễn cách mạng, V.I. Lênin cũng đã lãnh đạo nước Nga thực hiện thành công và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, tạo điều kiện, tiền đề giải phóng triệt để con người.

Là học trò xuất sắc của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có

con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 12: 30). Theo Người “chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 1: 496). Hạt nhân trong những nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh là giải phóng con người. Để giải phóng con người, trước hết phải giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội - tiền đề, điều kiện giải phóng con người.

Sau khi dân tộc được độc lập, chính quyền về tay nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo làm sao để bất kỳ người dân nào cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, ốm đau được chữa bệnh, người già cả, neo đơn được xã hội quan tâm. Nói khác đi, Người muốn thực hiện giải phóng con người Việt Nam khỏi đói nghèo, thất học, mù chữ, bệnh tật và “chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 12: 433), “mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 12: 604). Vì vậy, “chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm

là Đảng và Chính phủ có lỗi” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 9: 518).

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định *mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* và xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng nhằm mục tiêu: “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991: 9). Văn kiện Đại hội XIII cũng đã khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay là: “phát triển con người toàn diện... bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 37); “phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa *giá trị truyền thống* và *giá trị hiện đại*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 47). Thực tiễn xây dựng và phát triển con người Việt Nam sau hơn 35 năm đổi mới đã chứng minh điều đó.

3. THỰC TIỄN GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Thứ nhất, vị thế làm chủ về chính trị, xã hội của con người được đề cao.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và chủ trương, đường lối đổi mới (từ 1986 đến nay) của Việt Nam đều nhằm mục tiêu nâng cao vị

thế làm chủ của con người, giải phóng triệt để con người Việt Nam.

Ngay từ khi bắt đầu đổi mới, Đại hội VI của Đảng đã nêu ra *cơ chế tổng thể* “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và nhấn mạnh rằng: “*Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987: 109). Trong suốt quá trình đổi mới, Đảng cũng luôn khẳng định giải quyết tốt mối quan hệ: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. *Hiến pháp* năm 2013 cũng ghi rõ: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” (Quốc hội, 2013). Do bản chất xã hội chủ nghĩa của Việt Nam: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; Nhà nước là của dân, do dân, vì dân, vì vậy Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý không chỉ để khẳng định địa vị *là chủ* xã hội của nhân dân, mà quan trọng hơn là để nhân dân *làm chủ*. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý là tạo điều kiện, môi trường để nhân dân làm chủ, chứ không phải để làm chủ thay dân. Khẳng định điều này cũng để tránh tình trạng dân chủ hình thức, nhân dân “khoán trắng” cho

Đảng, cho Nhà nước làm chủ; hoặc Đảng và Nhà nước coi việc thực hiện dân chủ chỉ là trách nhiệm của mình. Điều đó cũng cho thấy, vị thế con người, vị thế làm chủ của nhân dân Việt Nam luôn được đề cao trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu giải phóng con người triệt để cũng được thể hiện trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm” (Nguyễn Phú Trọng, 2022: 21).

Trong thực tiễn, vị thế làm chủ của nhân dân cũng được triển khai rất dân chủ. Chẳng hạn, đợt lấy ý kiến năm 2013 (sửa đổi *Hiến pháp năm 1992*), trong 5 tháng tính tới tháng 5/2013, cả nước đã tổ chức 28.000 hội thảo, hội nghị, tọa đàm và thu được 26 triệu lượt ý kiến đóng góp về nội dung *Hiến pháp* (kiemtoannn.gov.vn, 2013). Hoặc, để chuẩn bị cho văn kiện Đại hội XIII, Đảng đã tổ chức hơn 60 cuộc

hội thảo, thành lập 50 đoàn đi khảo sát thực tế; 2 đoàn đi khảo sát kinh nghiệm nước ngoài; các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học đã gửi 80 báo cáo tư vấn, báo cáo kiến nghị cho các tiểu ban; *Báo cáo chính trị dự thảo* khoảng 30 lần và được đăng toàn văn trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn dân góp ý. Các góp ý của nhân dân dày hơn 1.410 trang gửi về ban biên tập tổng hợp khoảng gần 200 trang (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 16-18). Những con số trên đã minh chứng cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tất cả vì mục tiêu giải phóng con người triệt để.

Việt Nam không chỉ là quốc gia đa tín ngưỡng, đa tôn giáo, mà còn là quốc gia đa dân tộc (với 54 dân tộc cùng sinh sống). Do vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. Đại hội lần thứ IX, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “*tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 128). Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân; bình đẳng giữa các tôn giáo và bình đẳng trước pháp luật; đoàn kết tôn giáo gắn với đoàn kết dân tộc; phát huy giá trị đạo đức, nhân văn, tích cực của các tôn giáo. Đồng thời, chủ trương của Đảng luôn thực hiện đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng

Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội XIII có riêng 1 mục khẳng định: “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 165); “giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển;... *thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 49-50). Việc những quyền cơ bản nhất của người dân được quan tâm cho thấy, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không có mục tiêu nào khác ngoài việc giải phóng triệt để con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân Việt Nam, cả người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo; cả dân tộc đa số và dân tộc thiểu số; tất cả các giai tầng trong xã hội.

Thứ hai, phát triển kinh tế - tiền đề giải phóng con người Việt Nam.

Đổi mới kinh tế và chính trị từ năm 1986 ở Việt Nam đã thúc đẩy phát triển kinh tế, nhanh chóng đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4% (dẫn theo Võ Hồng Phúc, 2006: 141), thì giai đoạn 1991 - 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,4%/năm (Hội

đồng Lý luận Trung ương, 2020: 112), cao gần gấp đôi. Giai đoạn 2016 - 2020 mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 vẫn đạt mức bình quân 6%/năm (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 61). Nếu như GDP của năm 1995 là 20,74 tỷ USD (Tạp chí Nhà Đầu tư, 2021) thì năm 2020 đã là 271,2 tỷ USD, tức gấp hơn 13 lần, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 61). Liên tiếp trong 4 năm, từ năm 2016 đến 2019, Việt Nam đứng trong top 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới, là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất (dẫn theo Nguyễn Minh Phong - Nguyễn Trần Minh Trí, 2021). Năm 2022, tăng trưởng GDP ước đạt 8,02%, quy mô GDP ước đạt khoảng 409 tỷ USD. Quy mô nền kinh tế Việt Nam đã tăng hơn 10 lần so với năm 2000. GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021 (Báo Quân đội Nhân dân, 2023). Những thành tựu về kinh tế nêu trên không ngoài mục tiêu cuối cùng là giải phóng con người, đem lại hạnh phúc cho người dân Việt Nam.

Theo báo cáo, năm 1993, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam là 58,1%. Đến năm 2015, con số này giảm còn 9,88%; năm 2019 giảm còn 3,75%; và năm 2020, con số này giảm chỉ còn 2,75%. Trong giai đoạn 2016 - 2020, mặc dù ngân sách còn nhiều khó khăn, song Quốc hội, Chính phủ đã tăng

nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo gấp 2 lần so với giai đoạn trước. Tổng các nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 93,6 nghìn tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương: 45,33%; vốn ngân sách địa phương: 10,75%; vốn xã hội hóa: 23,62%; vốn ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” và các hoạt động an sinh xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp: 19,86%... (dẫn theo Thu Hòa, 2021). Đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa xã hội quan trọng hàng đầu và là cơ sở vật chất nhằm giải phóng con người triệt để; là một định hướng xã hội chủ nghĩa quan trọng của Việt Nam, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, chỉ số phát triển con người, bất bình đẳng giới được cải thiện và nhân quyền luôn được quan tâm khẳng định mục tiêu giải phóng con người Việt Nam.

Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng cao. Báo cáo Phát triển con người (HDR) toàn cầu 2021-2022 được Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam công bố sáng 9/9/2022, chỉ số Phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trong bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia (Báo Nhân dân, 2022). Điều này cho thấy sự tiến bộ và ổn định của Chỉ số con người tại Việt Nam. Báo cáo của UNDP nhận định, Việt Nam thuộc Nhóm Phát triển con người cao từ năm 2019 và đã đạt tiến bộ ổn định trong cả ba khía cạnh

(sức khỏe, giáo dục và thu nhập) của HDI kể từ những năm 1990.

Tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi năm 1989 lên 73,6 tuổi năm 2019. Hiện nay, UNDP đánh giá, tuổi thọ kỳ vọng của Việt Nam là 76,5 - thứ hai ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, chỉ sau Hàn Quốc. Kết quả này phần nào cho thấy thành tựu trong công tác y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe con người của Việt Nam luôn vì mục tiêu phát triển con người.

Việt Nam đã hoàn thành phổ cập tiểu học (chuẩn quốc gia) và vẫn đang duy trì kết quả này. Toàn bộ trẻ em độ tuổi 6 - 10 đều được đến trường và được miễn học phí. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành cấp tiểu học trong độ tuổi của cả nước đã đạt 99,7% năm 2019, cao hơn lộ trình đặt ra cho năm 2030. Tỷ lệ này ở nhóm học sinh dân tộc thiểu số đạt 94,6% vào năm 2019 (xem: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2020).

Công tác bình đẳng giới của Việt Nam có nhiều thành tựu đáng tự hào. Chỉ số Bất bình đẳng giới (GII) của Việt Nam (đo lường sự sụt giảm phát triển con người do bất bình đẳng giữa nam và nữ) tiếp tục được cải thiện vào năm 2021. GIJ của Việt Nam là 0,296, xếp hạng 71 trong số 170 quốc gia. Tỷ lệ trẻ em gái đi học và phụ nữ tham gia lực lượng lao động tăng. Năm 2019, 70,9% phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi lao động tham gia lực lượng lao động. Tỷ lệ tương ứng ở cấp độ

toàn cầu là 47,2%, và tỷ lệ ở Châu Á - Thái Bình Dương thậm chí còn thấp hơn, ở mức 43,9%. Đặc biệt, giai đoạn 2016 - 2021, 16/63 tỉnh/thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đạt từ 30% trở lên; đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ đại biểu quốc hội đạt 27,31% cao hơn mức trung bình của Châu Á và toàn cầu; năm 2019, có 24% tổng số doanh nghiệp trên cả nước do nữ lãnh đạo; năm 2016, tỷ lệ nữ là chủ trang trại trên cả nước đạt gần 8,6% (xem: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2020).

Quyền con người được bảo đảm. Đến nay Việt Nam đã tham gia 7 trên 9 điều ước quốc tế về quyền con người cơ bản. Thực tế, ở Việt Nam, quyền con người đã, đang và sẽ luôn được tôn trọng, phát huy hơn bao giờ hết, nhân dân thực sự làm chủ đất nước và quyết định con đường phát triển của mình như Đại hội XIII đã khẳng định: “đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I: 51). Trong tổng số 120 điều của *Hiến pháp 2013*, có tới 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của

công dân. Hệ thống pháp luật Việt Nam cũng được điều chỉnh theo hướng vì con người, bảo vệ cao nhất các quyền con người. Do đó, đến nay, Việt Nam đã trở thành một nước phát triển trung bình với 70% người dân được đảm bảo một cuộc sống ổn định, trong đó 13% người Việt Nam thuộc tầng lớp trung lưu theo tiêu chuẩn quốc tế. Việt Nam, không chỉ là một trong những nước đã thực hiện thành công trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc, mà còn được biết đến là quốc gia trong thực hiện mục tiêu phát triển bao trùm, không ai bị ở lại phía sau của Liên Hợp Quốc.

4. KẾT LUẬN

Khát quát một số thành tựu phát triển con người của Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy, mọi chủ trương, chính sách phát triển của Việt Nam đều nhằm mục tiêu phát triển con người, xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu giải phóng triệt để con người. Cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên cũng loại bỏ quan niệm của các thế lực thù địch cho rằng Việt Nam không quan tâm tới phát triển, giải phóng con người, vi phạm quyền con người trong thời gian gần đây. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo Quân đội Nhân dân. 2023. “Năm 2022: Quy mô nền kinh tế Việt Nam tăng hơn 10 lần, lên mức 409 tỷ USD”. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/nam-2022-quy-mo-nen-kinh-te-viet-nam-tang-hon-10-lan-len-muc-409-ty-usd-715446>, truy cập ngày 18/1/2023.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập* – tập 1, 9, 12. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
7. Hội đồng Lý luận Trung ương. 2020. *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
8. kiemtoannn.gov.vn. 2013. “Hơn 26 triệu lượt đóng góp ý kiến góp ý của nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992”. <https://www.sav.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=31466&l=TinTucSuKien>, truy cập 19/5/2023.
9. Báo Nhân dân. 2022. “Chỉ số phát triển con người Việt Nam tăng 2 bậc” <https://nhandan.vn/chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-tang-hai-bac-post714578.html>, truy cập ngày 18/1/2023.
10. Lênin, V.I. Lênin. 1980. *Toàn tập* – tập 26. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
11. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1995. *Toàn tập* – tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
12. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1998. *Toàn tập* – tập 42. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
13. Nguyễn Minh Phong - Nguyễn Trần Minh Trí. 2021. “Vị thế và cơ đồ kinh tế Việt Nam”. <https://nhandan.com.vn/nhan-dinh/vi-the-va-co-do-kinh-te-viet-nam-631311/>.
14. Nguyễn Phú Trọng. 2022. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
15. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2020. “Báo cáo quốc gia năm 2020 – tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững”. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/Bao-cao-QG-SDG_VN.pdf
16. Quốc hội. 2013. “Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013”. https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=28814, truy cập ngày 18/1/2023.
17. Tạp chí Nhà Đầu tư. 2021. “Đối thoại 2045: Khẳng định doanh nghiệp tư nhân là động lực quan trọng”. <https://nhadautu.vn/doi-thoi-2045-khang-dinh-doanh-nghiep-tu-nhan-la-dong-luc-quan-trong-d51255.html>, truy cập ngày 18/1/2023.
18. Thu Hòa. 2021. “Việt Nam giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và hướng tới không còn người nghèo đói vào năm 2045”. <https://consosukien.vn/vie-t-nam-gia-m-nghe-o-be-n-vu-ng-giai-doa-n-2016-2020-va-huo-ng-to-i-khong-co-n-nguo-i-nghe-o-do-i-.htm>, truy cập ngày 2/5/2023.
19. Võ Hồng Phúc. 2006. “Những thành tựu về kinh tế - xã hội qua 20 năm đổi mới (1986 - 2005)”, trong *Việt Nam 20 năm đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.